

Số: **1013**/QĐ-BTTTT

Hà Nội, ngày **19** tháng 8 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH
Về việc chỉ định Phòng đo kiểm

BỘ TRƯỞNG BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

Căn cứ Nghị định số 187/2007/NĐ-CP ngày 25/12/2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông và Nghị định số 50/2011/NĐ-CP ngày 24/6/2011 về việc sửa đổi, bổ sung Nghị định số 187/2007/NĐ-CP của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 50/2006/QĐ-BBCVT ngày 01/12/2006 của Bộ trưởng Bộ Bưu chính, Viễn thông (nay là Bộ Thông tin và Truyền thông) quy định về chỉ định phòng đo kiểm phục vụ công tác quản lý chất lượng thuộc quản lý chuyên ngành của Bộ Bưu chính, Viễn thông;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chỉ định phòng đo kiểm:

TRUNG TÂM ĐO LƯỜNG
Thuộc: CỤC VIỄN THÔNG

đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về chỉ định phòng đo kiểm phục vụ công tác quản lý chất lượng thuộc quản lý chuyên ngành của Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành kèm theo Quyết định số 50/2006/QĐ-BBCVT với danh mục được chỉ định tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Phòng đo kiểm có tên tại Điều 1 phải tuân thủ đầy đủ các yêu cầu đối với phòng đo kiểm được chỉ định theo quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực trong thời hạn 03 (ba) năm kể từ ngày ký. Quyết định này thay thế Quyết định số 425/QĐ-BTTTT ngày 25/4/2013 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông.

Điều 4. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ, Cục trưởng Cục Viễn thông, Phòng đo kiểm có tên tại Điều 1 và các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Trung tâm Thông tin (để đăng website);
- Các Tổ chức chứng nhận hợp quy (để th/hiện);
- Các Tổ chức kiểm định (để th/hiện);
- Lưu: VT, ██████████



Nguyễn Thành Hưng

Phụ lục
DANH MỤC ĐƯỢC CHỈ ĐỊNH

*(kèm theo Quyết định số 1043/QĐ-BTTTT ngày 19 tháng 8 năm 2013
của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)*

1. Tên phòng đo kiểm được chỉ định:

TRUNG TÂM ĐO LƯỜNG
Thuộc: CỤC VIỄN THÔNG

Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức được quy định tại Quyết định số 1136/QĐ-BTTTT ngày 22/7/2011 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Đo lường trực thuộc Cục Viễn thông.

Địa chỉ: Tòa nhà VNTA, phố Dương Đình Nghệ, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

2. Danh mục được chỉ định:

STT	Danh mục	Quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn, chỉ tiêu kỹ thuật
I	Sản phẩm viễn thông và công nghệ thông tin	
1	Thiết bị đầu cuối kết nối vào mạng viễn thông công cộng qua giao diện tương tự hai dây	QCVN 19:2010/BTTTT QCVN 22:2010/BTTTT
2	Máy điện thoại không dây (loại kéo dài thuê bao)	QCVN 10:2010/BTTTT QCVN 19:2010/BTTTT QCVN 22:2010/BTTTT
3	Thiết bị đầu cuối thông tin di động mặt đất công cộng	QCVN 12:2010/BTTTT ⁽¹⁾ QCVN 13:2010/BTTTT QCVN 15:2010/BTTTT ⁽²⁾
4	Thiết bị đầu cuối kết nối vào mạng viễn thông công cộng sử dụng kênh thuê riêng	QCVN 20:2010/BTTTT QCVN 21:2010/BTTTT
5	Tổng đài PABX	QCVN 19:2010/BTTTT QCVN 22:2010/BTTTT
6	Thiết bị đầu cuối xDSL	QCVN 22:2010/BTTTT
7	Thiết bị truyền dẫn quang	QCVN 2:2010/BTTTT QCVN 7:2010/BTTTT
8	Tổng đài số	ITU-T Q.541 (03/93) ITU-T Q.542 (03/93) ITU-T Q.543 (03/93) ITU-T Q.544 (11/88)
9	Thiết bị truyền dẫn viba số	QCVN 53:2011/BTTTT
10	Cáp sợi quang	TCVN 8665:2011 ⁽³⁾
11	Cáp thông tin kim loại	TCVN 8238:2009 ⁽⁴⁾ TCVN 8697:2011 ⁽⁵⁾

10

STT	Danh mục	Quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn, chỉ tiêu kỹ thuật
12	Thiết bị phát, thu-phát sóng vô tuyến điện dùng trong các nghiệp vụ thông tin vô tuyến điện cố định hoặc lưu động mặt đất	QCVN 14:2010/BTTTT QCVN 16:2010/BTTTT QCVN 23:2011/BTTTT QCVN 25:2011/BTTTT QCVN 29:2011/BTTTT ⁽⁶⁾ QCVN 30:2011/BTTTT ⁽⁷⁾ QCVN 31:2011/BTTTT ⁽⁸⁾ QCVN 37:2011/BTTTT QCVN 41:2011/BTTTT QCVN 42:2011/BTTTT QCVN 43:2011/BTTTT QCVN 44:2011/BTTTT QCVN 45:2011/BTTTT QCVN 46:2011/BTTTT QCVN 47:2011/BTTTT ⁽⁹⁾ QCVN 48:2011/BTTTT QCVN 49:2011/BTTTT QCVN 54:2011/BTTTT QCVN 70:2013/BTTTT ⁽¹⁰⁾ QCVN 73:2013/BTTTT QCVN 74:2013/BTTTT ⁽¹¹⁾ QCVN 75:2013/BTTTT QCVN 76:2013/BTTTT
13	Thiết bị phát, thu-phát sóng vô tuyến điện chuyên dùng cho truyền hình quảng bá	QCVN 17:2010/BTTTT ⁽¹²⁾ QCVN 47:2011/BTTTT ⁽⁹⁾
14	Thiết bị phát, thu-phát sóng vô tuyến điện chuyên dùng cho phát thanh quảng bá	QCVN 47:2011/BTTTT ⁽⁹⁾
15	Thiết bị phát, thu-phát sóng vô tuyến điện chuyên dùng cho phát chuẩn (tần số, thời gian)	QCVN 47:2011/BTTTT ⁽⁹⁾
16	Thiết bị phát, thu-phát sóng vô tuyến điện chuyên dùng cho định vị và đo đạc từ xa (trừ thiết bị dùng ngoài khơi cho ngành dầu khí)	QCVN 47:2011/BTTTT ⁽⁹⁾ QCVN 55:2011/BTTTT
17	Thiết bị phát, thu-phát sóng vô tuyến điện chuyên dùng cho thông tin vệ tinh (trừ các thiết bị lưu động dùng trong hàng hải và hàng không)	QCVN 38:2011/BTTTT QCVN 39:2011/BTTTT QCVN 40:2011/BTTTT QCVN 47:2011/BTTTT ⁽⁹⁾
18	Thiết bị phát, thu-phát sóng vô tuyến điện chuyên dùng cho nghiệp vụ lưu động hàng hải (kể cả các thiết bị trợ giúp, thiết bị vệ tinh)	QCVN 24:2011/BTTTT QCVN 26:2011/BTTTT QCVN 27:2011/BTTTT QCVN 28:2011/BTTTT QCVN 47:2011/BTTTT ⁽⁹⁾ QCVN 50:2011/BTTTT QCVN 51:2011/BTTTT

STT	Danh mục	Quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn, chỉ tiêu kỹ thuật
		QCVN 52:2011/BTTTT QCVN 57:2011/BTTTT QCVN 58:2011/BTTTT QCVN 59:2011/BTTTT QCVN 60:2011/BTTTT QCVN 61:2011/BTTTT QCVN 62:2011/BTTTT
19	Thiết bị phát, thu-phát sóng vô tuyến điện nghiệp dư	QCVN 47:2011/BTTTT ⁽⁹⁾ QCVN 56:2011/BTTTT
20	Thiết bị phát, thu-phát sóng vô tuyến điện chuyên dùng cho nghiệp vụ lưu động hàng không (kể cả thiết bị trợ giúp, thiết bị vệ tinh)	QCVN 47:2011/BTTTT ⁽⁹⁾
21	Thiết bị Rada	QCVN 47:2011/BTTTT ⁽⁹⁾
22	Thiết bị vô tuyến dẫn đường	QCVN 47:2011/BTTTT ⁽⁹⁾
23	Thiết bị cảnh báo, điều khiển từ xa bằng sóng vô tuyến điện	QCVN 47:2011/BTTTT ⁽⁹⁾ QCVN 55:2011/BTTTT
24	Thiết bị nhận dạng bằng sóng vô tuyến điện	QCVN 47:2011/BTTTT ⁽⁹⁾ QCVN 55:2011/BTTTT
25	Thiết bị truy nhập vô tuyến băng tần 5 GHz	QCVN 65:2013/BTTTT
26	Thiết bị lặp thông tin di động WCDMA FDD	QCVN 66:2013/BTTTT
27	Đặc tính đồng hồ chuẩn sơ cấp	TCVN 8073:2009
II	Chất lượng dịch vụ	
28	Dịch vụ truy nhập Internet ADSL	QCVN 34:2011/BTTTT
29	Dịch vụ điện thoại trên mạng viễn thông cố định mặt đất	QCVN 35:2011/BTTTT
30	Dịch vụ điện thoại trên mạng viễn thông di động mặt đất	QCVN 36:2011/BTTTT
31	Dịch vụ điện thoại VoIP	TCVN 8068:2009
32	Dịch vụ IPTV trên mạng viễn thông công cộng cố định	TCVN 8689:2011
33	Hệ thống báo hiệu trong mạng viễn thông	TCVN 8690:2011
34	Dịch vụ nhắn tin SMS trên mạng thông tin di động mặt đất	ETSI TS 102 250-2 V2.2.1 (2011-04) ⁽¹³⁾ ETSI TS 102 250-3V2.2.1 (2011-04) ⁽¹⁴⁾
35	Dịch vụ truyền hình liên tục trên mạng thông tin di động mặt đất	ETSI TS 102 250-2 V2.2.1 (2011-04) ⁽¹⁵⁾ ETSI TS 102 250-3V2.2.1 (2011-04) ⁽¹⁶⁾
36	Dịch vụ tải dữ liệu trên mạng viễn thông di động mặt đất	ETSI TS 102 250-2 V2.2.1 (2011-04) ETSI TS 102 250-3V2.2.1

STT	Danh mục	Quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn, chỉ tiêu kỹ thuật (2011-04) ⁽¹⁸⁾
III	Thiết bị viễn thông và đài vô tuyến điện	
37	Đài phát thanh, đài truyền hình	QCVN 9:2010/BTTTT ⁽¹⁹⁾ QCVN 32:2011/BTTTT TCVN 3718-1: 2005 ⁽²⁰⁾ TCVN 3718-2: 2007 ⁽²⁰⁾
38	Trạm truyền dẫn vi ba đường dài trong nước	QCVN 9:2010/BTTTT ⁽¹⁹⁾ QCVN 32:2011/BTTTT
39	Trạm mặt đất thông tin vệ tinh loại D, E và F	QCVN 9:2010/BTTTT ⁽¹⁹⁾ QCVN 32:2011/BTTTT
40	Trạm gốc điện thoại di động mặt đất công cộng (BTS)	QCVN 8:2010/BTTTT QCVN 9:2010/BTTTT ⁽¹⁹⁾ QCVN 32:2011/BTTTT
41	Hệ thống ghi cước tổng đài mạng viễn thông công cộng	QCVN 35:2011/BTTTT QCVN 36:2011/BTTTT

Ghi chú:

⁽¹⁾ Không áp dụng cho các chỉ tiêu kỹ thuật tại các mục: 2.2.11, 2.2.12, 2.2.13, 2.2.14 của QCVN 12:2010/BTTTT;

⁽²⁾ Không áp dụng cho các chỉ tiêu kỹ thuật tại các mục: 2.2.4, 2.2.10, 2.2.13 của QCVN 15:2010/BTTTT;

⁽³⁾ Chỉ áp dụng cho các chỉ tiêu kỹ thuật tại các mục: 4.1.7, 4.1.8, 4.1.9, 4.2.6, 4.2.7, 4.2.8, 4.2.9 của TCVN 8665:2011;

⁽⁴⁾ Không áp dụng cho các chỉ tiêu kỹ thuật tại các mục: 3.1, 3.3 của TCVN 8238:2009;

⁽⁵⁾ Không áp dụng cho các chỉ tiêu kỹ thuật tại các mục: 3.1, 3.2, 3.3 của TCVN 8697:2011;

⁽⁶⁾ Không áp dụng cho các chỉ tiêu kỹ thuật tại mục 2.3 của QCVN 29:2011/BTTTT;

⁽⁷⁾ Không áp dụng cho các chỉ tiêu kỹ thuật tại mục 2.3 của QCVN 30:2011/BTTTT;

⁽⁸⁾ Không áp dụng cho các chỉ tiêu kỹ thuật tại mục 2.1.3 và 2.2 của QCVN 31:2011/BTTTT;

⁽⁹⁾ Áp dụng Quy hoạch phổ tần số vô tuyến điện Quốc gia; Thẻ lệ thông tin vô tuyến thế giới của Liên minh Viễn thông Quốc tế ITU.

⁽¹⁰⁾ Không áp dụng cho các chỉ tiêu kỹ thuật tại các mục 2.3 của QCVN 70:2013/BTTTT;

⁽¹¹⁾ Chỉ áp dụng đối với thiết bị vô tuyến tự động đến dải tần 13 GHz của QCVN 74:2013/BTTTT;

⁽¹²⁾ Không áp dụng cho các chỉ tiêu kỹ thuật tại mục 2.3 của QCVN 17:2010/BTTTT;

⁽¹³⁾ Áp dụng các chỉ tiêu kỹ thuật tại mục 7.4.2, 7.4.3, 7.4.4 và 7.4.5 của ETSI TS 102 250-2;

⁽¹⁴⁾ Áp dụng phương pháp đo tại mục 8.2 của ETSI TS 102 250-3;

⁽¹⁵⁾ Áp dụng các chỉ tiêu kỹ thuật tại mục 6.5.4, 6.5.5, 6.5.6, 6.5.7, 6.5.8, 6.5.12, 6.5.13, 6.5.14 và 6.5.15 của ETSI TS 102 250-2;

⁽¹⁶⁾ Áp dụng các chỉ tiêu kỹ thuật tại mục 6.2 và 6.4 của ETSI TS 102 250-3;

⁽¹⁷⁾ Áp dụng phương pháp đo tại mục 9.2 và 9.3 của ETSI TS 102 250-2;

⁽¹⁸⁾ Áp dụng mục 6 của ETSI TS 102 250-3;

⁽¹⁹⁾ Chỉ áp dụng cho các chỉ tiêu kỹ thuật tại mục: 2.1.3 của QCVN 9:2010/BTTTT;

⁽²⁰⁾ Chỉ áp dụng trong dải tần số từ 100 kHz đến 3 GHz.

AD